

GS.TS. NGÔ ĐỨC THỊNH

VĂN HÓA VÙNG — VÀ — PHÂN VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
TP. HỒ CHÍ MINH

GS. TS. NGÔ ĐỨC THỊNH

MỤC LỤC

Dẫn luận.....	9
Phần thứ nhất CÁC LÝ THUYẾT VÀ KHUYNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU	
VĂN HÓA VÙNG	
&	
PHÂN VÙNG VĂN HÓA Ở VIỆT NAM	
Phác thảo phân vùng	
VÀ MỘT SỐ VÙNG VĂN HÓA Ở VIỆT NAM	
Chương 3: Phác thảo phân vùng văn hóa ở Việt Nam.....	83
Chương 4: Vùng văn hóa đồng bằng Bắc Bộ.....	113
Chương 5: Tiểu vùng văn hóa Xứ Lạng.....	173
Chương 6: Vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ.....	192
Chương 7: Tiểu vùng văn hóa Xứ Thanh.....	216
Chương 8: Tiểu vùng văn hóa Xứ Nghệ.....	238
Chương 9: Tiểu vùng văn hóa Xứ Huế.....	261
Chương 10: Tiểu vùng văn hóa Xứ Quảng.....	282
Chương 11: Tiểu vùng văn hóa cực Nam Trung Bộ.....	306
Chương 12: Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên.....	324
Chương 13: NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM.....	347



MỤC LỤC

Dẫn luận.....	9
---------------	---

Phần thứ nhất CÁC LÝ THUYẾT

VÀ KHUYNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Chương 1: nghiên cứu văn hóa vùng, khuynh hướng và các vấn đề đặt ra.....	25
---	----

Chương 2: Nghiên cứu các sắc thái văn hóa địa phương ở Việt Nam - từ những ý niệm đến các khái niệm.....	60
--	----

Phần thứ hai

PHÁC THẢO PHÂN VÙNG

VÀ MỘT SỐ VÙNG VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

Chương 3: Phác thảo phân vùng văn hóa ở nước ta.....	83
--	----

Chương 4: Vùng văn hóa đồng bằng Bắc Bộ.....	113
--	-----

Chương 5: Tiểu vùng văn hóa Xứ Lạng.....	173
--	-----

Chương 6: Vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ.....	192
--	-----

Chương 7: Tiểu vùng văn hóa Xứ Thanh.....	216
---	-----

Chương 8: Tiểu vùng văn hóa Xứ Nghệ.....	238
--	-----

Chương 9: Tiểu vùng văn hóa Xứ Huế.....	261
---	-----

Chương 10: Tiểu vùng văn hóa Xứ Quảng.....	282
--	-----

Chương 11: Tiểu vùng văn hóa cực Nam Trung Bộ.....	306
--	-----

Chương 12: Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên.....	324
--	-----

Chương 13: Vùng văn hóa Nam Bộ.....	347
-------------------------------------	-----

Phần thứ ba
ĐẶC TRƯNG VÙNG
TRONG MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG VĂN HÓA

Chương 14: Về vùng “thể loại” văn hóa.....	383
Chương 15: Sự phân bố và mối quan hệ giữa các loại hình nhà ở cổ truyền.....	399
Chương 16: Các loại hình bữa ăn truyền thống.....	419
Chương 17: Các sắc thái địa phương và tộc người của trang phục...437	
Chương 18: Loại quan tài thân cây khoét rỗng.....	459
Chương 19: Vùng sinh thái tộc người và một số vấn đề kinh tế - xã hội.....	477
Chương 20: Văn hóa biển, từ góc nhìn nhân học.....	489
Chương 21: Thuyền bè truyền thống Việt Nam.....	504
Chương 22: Sử thi - hiện tượng tiêu biểu của văn hóa Tây Nguyên...523	
Chương 23: Văn hóa công chiêng Tây Nguyên.....	544
Chương 24: Trần Hải Đông - Hải Dương với Thăng Long - Hà Nội...552	
Thay lời kết: Thống nhất - đa dạng văn hóa & sự phát triển xã hội Việt Nam.....	566
Tài liệu tham khảo.....	584

DẪN LUẬN

1. Hai phạm trù cơ bản của văn hóa

Cũng như bất cứ một hiện tượng tự nhiên hay xã hội nào, các hiện tượng văn hóa cũng chịu sự tác động của hai nhân tố cơ bản, đó là thời gian và không gian. Thời gian cho ta thấy một hiện tượng hay một tổ hợp các hiện tượng văn hóa nảy sinh, tồn tại và biến đổi như thế nào dưới sự tác động của môi trường tự nhiên, lịch sử và xã hội, nó trả lời câu hỏi "Bao giờ" (When)? Còn không gian thì lại cho ta thấy một hiện tượng hay một tổ hợp hiện tượng văn hóa ra đời và tồn tại trong một không gian địa lý nhất định, nó trả lời câu hỏi "Ở đâu" (Where)?. Nếu chúng ta đưa một hiện tượng văn hóa nào đó lên giữa hai trục đồ thị, trong đó trục tung biểu hiện nhân tố không gian, còn trục hoành biểu hiện nhân tố thời gian, thì chúng ta hoàn toàn xác định vị trí và thời gian của hiện tượng văn hóa đó.

Chúng ta hãy lấy một thí dụ cụ thể, chẳng hạn như hiện tượng múa rối nước của người Việt. Với những hiểu biết hiện nay, múa rối nước của người Việt ở Bắc Bộ ra đời chậm nhất cũng vào khoảng thế kỷ XI, nhờ vào tấm bia Chùa Đọi Sơn (Hà Nam) đã ghi nhận hiện tượng múa rối nước này. Còn nơi múa rối nước xuất hiện đầu tiên thì như mọi người đều biết là tại các làng chiêm trũng ở Bắc Bộ, gần đây mới phổ biến rộng ra nhiều địa phương trong toàn quốc.

Nhân tố không gian được biểu hiện thành phạm trù *thống nhất và đa dạng của văn hóa*, còn nhân tố thời gian được biểu hiện thành phạm trù *truyền thống và biến đổi của văn hóa*. Hai phạm trù này được M.J. Herskowitz hiểu như là hai *ngịch lý của văn hóa*. Theo ông, văn hóa vừa là cái phổ quát, thống nhất của toàn nhân loại, vừa là cái riêng,

cái đặc thù, cái đa dạng của mỗi tộc người, địa phương. Văn hóa vừa là cái bền vững, trường tồn, vừa là cái biến đổi liên tục. Cũng theo Ông, sự biến đổi được coi như là một phần của sự bền vững. Nói cách khác, chỉ có thể hiểu được tính bền vững khi xác định được tỷ lệ giữa cái biến đổi và cái bảo thủ (M.J. Herskowitz, 1967).

Đối với văn hóa, nhân tố thời gian không chỉ là *thời gian tuyến tính*, tức là thời gian biến đổi từ quá khứ đến hiện tại, mà nhiều khi quan trọng hơn là *thời gian chu kỳ*, tức thời gian khép kín của một chu trình biến đổi của văn hóa. Có nhiều loại thời gian chu kỳ, chúng tùy thuộc vào bản thân sự vật và hiện tượng văn hóa. Thí dụ, chu kỳ của canh tác cây lúa nước gắn với điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa, mà bản thân chu trình này tạo nên sắc diện, nhịp độ và sự biến đổi văn hóa của các dân tộc ở nước ta và các nước trong khu vực. Chu kỳ của bản thân đời sống con người, từ *cái nôi tới nấm mồ*, tạo nên các nghi lễ vòng đời người, một trong những lĩnh vực văn hóa mang đậm sắc thái địa phương và tộc người.

2. “Không gian văn hóa” là gì?

Có thể hiểu “*không gian văn hóa*” theo hai ý nghĩa, cụ thể và trừu tượng. Theo ý nghĩa cụ thể, chúng ta coi không gian văn hóa như là *một không gian địa lý xác định, mà ở đó một hiện tượng hay một tổ hợp hiện tượng văn hóa nảy sinh, tồn tại, biến đổi và chúng liên kết với nhau như một hệ thống*. Trong đời sống xã hội của con người, ít khi một hiện tượng văn hóa nảy sinh, tồn tại và biến đổi một cách độc lập, mà chúng thường liên kết với nhau thành những tổ hợp. Có thể hiểu tổ hợp văn hóa như một hệ thống lớn nhỏ khác nhau, bao gồm nhiều hiện tượng liên kết với nhau như một thực thể hữu cơ. Văn hóa tộc người cũng là một dạng của tổ hợp văn hóa. Với ý nghĩa như vậy, văn hóa tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa vùng, văn hóa làng, văn hóa nghề nghiệp, văn hóa đô thị, văn hóa nông thôn,... đều là những dạng khác nhau

của tổ hợp văn hóa. Dưới đây là một số ví dụ nhằm làm rõ khái niệm “không gian văn hóa”.

Không gian văn hóa tộc người chính là không gian sinh tồn của tộc người đó, nó gắn với vùng lãnh thổ mà cộng đồng dân cư của tộc người đó sinh sống. Trong xã hội nguyên thủy hay một số trường hợp trong xã hội hiện nay, lãnh thổ tộc người vẫn còn tồn tại, thì chính lãnh thổ tộc người là không gian văn hóa của tộc người đó. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển xã hội và sự di chuyển dân cư thì phần lớn các trường hợp lãnh thổ tộc người bị phá vỡ, tạo nên tình trạng cư trú xen cài giữa các tộc người trên cùng một lãnh thổ, do vậy, không gian văn hóa tộc người không còn nguyên vẹn, tạo nên tình trạng đan xen. Đó cũng chính là một trong những xung lực tạo nên sự tiếp biến, hỗn dung văn hóa, một hiện tượng phổ biến trong bức tranh chung văn hóa nhân loại hiện nay.

Văn hóa vùng cũng là một dạng thức của không gian văn hóa, mà ở đó, do quá trình giao lưu văn hóa lâu dài giữa các tộc người, đã tạo nên các sắc diện văn hóa chung.

Chúng ta cũng có thể đi vào xem xét một số hiện tượng văn hóa cụ thể. Nhà mồ và văn hóa nhà mồ là một hiện tượng văn hóa độc đáo của các tộc người ở Tây Nguyên. Thực ra, văn hóa nhà mồ không còn là một hiện tượng văn hóa đơn lẻ, mà đúng ra là một tổ hợp các hiện tượng văn hóa, thể hiện qua các phương diện, như: tín ngưỡng, nghi lễ, lễ hội, tạo hình, diễn xướng, phong tục... Nó phổ biến tương đối đều khắp ở các tộc người bản địa Tây Nguyên; tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu coi đó là hiện tượng văn hóa mang tính đồng nhất, mà tùy theo mỗi tộc người, mỗi vùng đều mang các sắc thái riêng.

Trong khái niệm “không gian văn hóa” còn mang ý nghĩa là *vị trí địa lý của một hiện tượng văn hóa hay một tổ hợp các hiện tượng văn hóa chiếm giữ trong mối quan hệ với các hiện tượng hay tổ hợp các hiện tượng*

văn hóa khác. Thí dụ, chúng ta có thể nói về hiện tượng thờ Mẫu của người Việt, vai trò và vị trí của nó trong hệ thống thờ Mẫu của nhiều dân tộc, như thờ Thánh Mẫu Pôn Inư Nugar của người Chăm, thờ Mẹ Hoa của người Tày, Nùng, Chuang,...

Đối với tổ hợp của một nền văn hóa, chúng ta có thể kể tới vị trí và vị thế của văn hóa Việt Nam trong hệ thống văn hóa khu vực. Đã có những tranh luận ở trong nước và quốc tế về vị trí văn hóa Việt Nam, nó thuộc về văn hóa Đông Nam Á hay Đông Á? Tất nhiên, công trình này không phải chỗ để bàn bạc về sự khác biệt các quan điểm trên: tuy nhiên, theo tôi, không thể đưa ra một lời bình giải dứt khoát văn hóa Việt Nam thuộc khu vực này hay kia, mà có lẽ về cơ bản, văn hóa Việt Nam thuộc văn hóa Đông Nam Á, còn thượng tầng lại chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa Đông Á. Do vậy, văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa duy nhất ở Đông Nam Á mang tính chuyển tiếp giữa Đông Nam Á và Đông Á.

Theo ý nghĩa trừu tượng, có thể hiểu "không gian văn hóa" như một "trường" (mượn khái niệm trường của vật lý), để chỉ một hiện tượng hay tổ hợp các hiện tượng (một nền văn hóa của tộc người, quốc gia hay khu vực) có khả năng tiếp nhận và lan tỏa (ảnh hưởng), tạo cho nền văn hóa đó một không gian (trường) văn hóa rộng hay hẹp khác nhau.

Để hiểu khái niệm trên, chúng tôi đưa ra ba thí dụ về ba nền văn hóa của ba tộc người để so sánh, đó là văn hóa Việt, văn hóa Thái và văn hóa Mnông. Do tác động của hoàn cảnh môi trường, vị trí địa lý, môi trường xã hội, từ sớm nền văn hóa Việt có mối quan hệ giao lưu khá sống động, nên nền văn hóa đó có được khả năng tiếp nhận những giao lưu ảnh hưởng lớn và đã diễn ra quá trình tiếp biến và đổi mới văn hóa suốt hàng nghìn năm. Văn hóa Việt đã tiếp nhận những ảnh hưởng của các nền văn minh lớn trong khu vực, đó là văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ và sau đó cả văn minh Phương Tây nữa, như Pháp, Mỹ, Nga. Điều này đã tạo cho văn hóa Việt khả năng cởi mở, sẵn sàng

tiếp thu mọi ảnh hưởng hay khả năng bản địa hóa các nền văn hóa khác, tạo cho con người Việt Nam khả năng *thích ứng, cải biến và ham học hỏi*.

Một nền văn hóa có khả năng tiếp nhận thì đồng thời nó cũng có khả năng lan tỏa và ảnh hưởng đối với nền văn hóa khác. Đó là trường hợp văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa và cả văn hóa Việt. Văn hóa Ấn Độ sau thời kỳ Aryan hóa đã trở thành nền văn minh lớn và có độ lan tỏa cao, tạo nên các "tiểu Ấn Độ" bên ngoài lãnh thổ Ấn Độ, mà Đông Nam Á là một điển hình. Cũng tương tự như vậy, văn minh Trung Hoa từ nhân lõi văn hóa của các bộ lạc Hoa Hạ ở trung lưu Hoàng Hà, đã diễn ra quá trình tích hợp, tiêu hóa các nền văn hóa Bắc Địch ở phương bắc, Khương Nhung ở phía tây, Bách Việt ở phương nam và Đông Di ở phía đông, để tạo nên nền văn minh hùng mạnh, có độ lan tỏa lớn, tạo nên cả một loạt nền văn hóa ngoại vi của trung tâm văn minh Trung Hoa (Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên,...).

Với văn hóa Việt, do khả năng tiêu nhận cao, nên nó cũng có độ lan tỏa và ảnh hưởng đối với các văn hóa tộc người khác trong phạm vi quốc gia Việt Nam. Như vậy, chúng ta có thể nói văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa (ở tầm khu vực) và văn hóa Việt (ở tầm quốc gia) là các nền văn hóa có *không gian (hay trường) rộng*, chủ yếu thể hiện ở khả năng tiêu nhận và lan tỏa của nền văn hóa đó.

Thái là một tộc người có dân số đông trong số các tộc thiểu số ở Việt Nam. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội khá cao, đạt tới trình độ phát triển tiền giai cấp và tiền nhà nước (Ngô Đức Thịnh, Cầm Trọng, 1999). Tuy nhiên, do sống trong vùng Tây Bắc và vùng núi bắc Trung Bộ khá biệt lập, nên môi trường tiếp nhận và giao lưu văn hóa với các nền văn hóa khác bị hạn chế, cấu trúc văn hóa cổ truyền cho tới đầu thế kỷ XX vẫn còn tương đối nguyên vẹn, khác với văn hóa của người Tày cùng nguồn gốc, nhưng giao lưu văn hóa sống động hơn, cơ cấu văn hóa cổ truyền bị pha vỡ. Tuy nhiên, do điều kiện dân số đông và trình độ

phát triển xã hội cao hơn các tộc thiểu số khác trong vùng, nên đã và đang diễn ra quá trình *Thái hóa* các tộc nhỏ láng giềng. Độ lan tỏa và ảnh hưởng văn hóa Thái đối với các tộc người chủ yếu chỉ hạn hẹp trong phạm vi Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ mà thôi. Gần với người Thái, ta có thể kể tới tộc người Mường, Tày, Chăm, Khơme,... Đó là các nền văn hóa có *không gian (trường) văn hóa trung bình*.

Trường hợp tộc người Mnông và hầu hết các tộc thiểu số sinh sống ở vùng núi và cao nguyên đều thuộc loại các nền văn hóa có *không gian (trường) hẹp*, khả năng thâm nhập và lan tỏa (ảnh hưởng) của các nền văn hóa đó đều bị hạn chế. Với tộc người Mnông, một tộc người thiểu số cư trú ở miền Trung Tây Nguyên, có dân số thuộc loại trung bình, trình độ phát triển xã hội còn tương đối thấp, văn hóa còn lưu giữ nhiều các yếu tố cổ truyền. Trong nền văn hóa độc đáo của họ ta ít thấy sự tiếp nhận những ảnh hưởng từ các nền văn hóa khác, khả năng lan tỏa của nền văn hóa này do vậy cũng bị hạn chế.

Như trên chúng tôi đã nói, khả năng thâm nhập và lan tỏa của một nền văn hóa có mối quan hệ hữu cơ. Trong đa phần các trường hợp, một dân tộc trên cái nền truyền thống vững chắc, có khả năng thâm nhập những giao lưu ảnh hưởng, thì thường đó là các nền văn hóa có độ lan tỏa, ảnh hưởng lớn. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn khác với các tộc người bị đồng hóa, tức không có cái nền tảng nội sinh để bản địa hóa những ảnh hưởng mạnh của nền văn hóa láng giềng, do vậy, nền văn hóa đó không những không có khả năng lan tỏa, mà còn bị đồng hóa về văn hóa. Đó là trường hợp các tộc Môn - Khơme ở Tây Bắc nước ta, trong đó tộc người Xinh Mun là điển hình (Trần Bình, 2001).

Khi đưa ra khái niệm không gian văn hóa mang ý nghĩa trừu tượng, tôi có tham khảo khái niệm "*không gian xã hội*" của G. Condominas trong công trình *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*. Và trên phương diện nào đó, tôi nhận thấy có mối quan hệ nào đó giữa hai khái niệm này, nhất là sự phân chia không gian xã hội và không gian (trường)

văn hóa thành các loại rộng hẹp khác nhau, mặc dù chúng không hề trùng lặp nhau (G. Condominas, 2000).

3. Các dạng thức không gian văn hóa

Không gian văn hóa biểu hiện không thuần nhất, cái đó tùy thuộc vào chính các loại hình văn hóa. Chúng tôi đã có lần phân chia văn hóa thành bốn dạng thức (loại), đó là: 1) *Văn hóa cá nhân*, 2) *Văn hóa cộng đồng*, 3) *Văn hóa lãnh thổ* và 4) *Văn hóa sinh thái*.

Gần đây người ta nói nhiều tới *văn hóa cá nhân*, vậy văn hóa cá nhân là gì? Về bản chất văn hóa là của cộng đồng, vậy thì sao lại có thể gọi là “văn hóa cá nhân”? Theo tôi, có thể nói tới cái gọi là văn hóa cá nhân với ý nghĩa rằng, trên cơ sở năng lực thể chất và môi trường xã hội, mỗi cá nhân có được khả năng *thâu nhận và thể hiện văn hóa của cộng đồng mà họ là thành viên*. Thí dụ, là thành viên của cộng đồng người Việt, mỗi cá nhân chúng ta tiếp thu văn hóa của thể hệ trước và biểu hiện nó ra theo khả năng và cách thức riêng. Cụ Hồ, như nhiều người nói là người Việt Nam nhất trong số những người Việt Nam, bởi vì ở Cụ đã thấm nhuần truyền thống văn hóa dân tộc và biểu hiện nó ra một cách tinh tế và đặc trưng. Điều đó có nghĩa là khả năng *thâu nhận và biểu hiện văn hóa tộc người của mỗi cá nhân không hoàn toàn như nhau*, mà nó rất đa dạng trong tính thống nhất của văn hóa tộc người. Nếu hiểu như vậy thì văn hóa cá nhân là một thực thể mà chúng ta cần quan tâm nghiên cứu.

Văn hóa cộng đồng là một khái niệm chung, mang tính trừu tượng, còn thực tế thì nó lại phụ thuộc vào từng loại cộng đồng người khác nhau. Có thể kể ra đây các cộng đồng người khác nhau và tương ứng với nó là các dạng văn hóa cộng đồng:

- Cộng đồng tộc người - *văn hóa tộc người* (văn hóa Việt, Thái, Tày,...)
- Cộng đồng quốc gia - *văn hóa quốc gia* (Văn hóa Việt Nam, Trung Quốc, Pháp, Nga,...)

- Cộng đồng làng, dòng họ, gia tộc - *Văn hóa làng, dòng họ*
- Cộng đồng tôn giáo - *Văn hóa tôn giáo tín ngưỡng*
- Cộng đồng nghề nghiệp - *Văn hóa nghề nghiệp* (văn hóa nông nghiệp, văn hóa ngư nghiệp, văn hóa thương nghiệp,...) (Ngô Đức Thịnh, 1998).

Văn hóa lãnh thổ hay *văn hóa vùng* là một dạng thức văn hóa, mà ở đó trong một không gian địa lý xác định, các cộng đồng người do cùng sống trong một môi trường tự nhiên nhất định, trong những điều kiện phát triển xã hội tương đồng, và nhất là các mối quan hệ giao lưu văn hóa sống động, nên trong quá trình lịch sử lâu dài đã hình thành những đặc trưng văn hóa chung. Nói cách khác, văn hóa vùng là một dạng thức liên văn hóa. Nếu như văn hóa cộng đồng, văn hóa sinh thái không nhất thiết đòi hỏi chúng tồn tại trong một không gian địa lý liên tục, thì văn hóa lãnh thổ hay văn hóa vùng đòi hỏi phải phân bố trên một không gian địa lý lãnh thổ nhất định. Về vấn đề này, chúng tôi đã trình bày trong một chuyên khảo riêng.

Văn hóa sinh thái là một dạng thức văn hóa tương ứng với một vùng sinh thái nhất định, như văn hóa biển, văn hóa thảo nguyên, văn hóa cao nguyên, văn hóa thung lũng,... Thường các dạng sinh thái không chỉ và chủ yếu chỉ phân bố theo lãnh thổ, mà chúng còn phân bố theo độ cao của các dạng địa hình. Cách đây nhiều năm, chúng tôi đã nêu ra các dạng văn hóa sinh thái của miền núi phía bắc, đó là *văn hóa thung lũng*, *văn hóa rẻo cao* và *văn hóa rẻo giữa*. Đặc biệt, các dạng sinh thái này lại tương ứng với sự phân bố các tộc người nhất định, hình thành nên một dạng *sinh thái tộc người*. Đó là *sinh thái thung lũng đặc trưng* cho các tộc người Thái, Tày, Mường; *sinh thái rẻo cao* tương ứng với tộc người Hmông, một số nhóm thuộc dân tộc Dao (Dao Đỏ) và Tạng - Miến; còn *sinh thái rẻo giữa* đặc trưng cho các tộc nói ngôn ngữ Môn - Khơme (Ngô Đức Thịnh, 1995).

4. Không gian văn hóa, các vấn đề lý thuyết và phương pháp

Nhận thức về không gian văn hóa, mà thực chất đó là *sự tương đồng và khác biệt*, đã được con người quan tâm tới từ lâu, ngay trong xã hội nguyên thủy, tuy nhiên đó mới là những quan niệm ý niệm, còn lý giải nó một cách khoa học, trên cơ sở các khái niệm khoa học thì cũng mới bắt đầu từ thế kỷ XIX, đặc biệt từ giữa và cuối thế kỷ XIX mà thôi.

Trong phạm vi mà chúng tôi biết được, có thể kể tới các lý thuyết liên quan tới việc nhận thức không gian văn hóa, đó là:

- *Tiến hóa luận*, mà đại diện tiêu biểu là L. Morgan và E. Taylor đề cập tới sự tương đồng và khác biệt văn hóa (L. Morgan, 1934; E. Taylor, 1939).
- *Thuyết khuếch tán* (truyền bá) văn hóa của trường phái Tây Âu (A.L. Perxisk, 1972).
- *Thuyết loại hình* và so sánh loại hình văn hóa.
- *Thuyết loại hình kinh tế - văn hóa* của các học giả Xô Viết (M. Lêvin, N.N. Trêbôxarôp, 1955).
- *Lý thuyết vùng văn hóa* của trường phái Mỹ và Xô Viết (C.L. Wisler, 1922).

Các lý thuyết và trường phái kể trên vừa phản ánh những bước phát triển của nhận thức con người về không gian văn hóa hay nói cách khác về sự tương đồng và khác biệt văn hóa. Thí dụ, như lý thuyết về vùng văn hóa đã có mầm mống từ trong quan niệm của các nhà truyền bá luận, thậm chí cả ở các nhà tiến hóa luận, tuy nhiên phải tới lúc hình thành các lý thuyết về loại hình văn hóa và vùng văn hóa của trường phái nhân học Mỹ, đặc biệt là với lý thuyết vùng văn hóa - lịch sử của trường phái Xô Viết nửa đầu thế kỷ XX thì lý thuyết vùng văn hóa mới thật định hình và hoàn chỉnh. Ngoài ra, các lý thuyết khuếch tán của trường phái truyền bá luận lại đi sâu vào khía cạnh giao lưu, ảnh hưởng văn hóa, nhất là từ trung tâm

khuếch tán đi các nơi, tạo nên động lực của phát triển văn hóa. Cũng như vậy, lý thuyết loại hình kinh tế - văn hóa lại đi vào lý giải các hiện tượng đồng quy văn hóa... (Ngô Đức Thịnh, 1982).

Cùng với các vấn đề lý thuyết thì các phương pháp nghiên cứu, cách thức tiếp cận cũng như các thao tác cụ thể trong nghiên cứu không gian văn hóa luôn được đặt ra. Các *phương pháp so sánh đồng đại* các hiện tượng hay tổ hợp các hiện tượng văn hóa luôn được sử dụng như một trong những phương tiện chủ yếu. *Phương pháp loại hình và so sánh loại hình văn hóa* cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu ứng dụng, nhất là với các hiện tượng văn hóa hữu thể (14). *Phương pháp lập bản đồ và chồng xếp các bản đồ văn hóa* được coi như một thao tác nghiên cứu rất có hiệu quả, đặc biệt với việc xây dựng các tập Atlát văn hóa ở các nước Châu Âu nửa cuối thế kỷ qua (Ngô Đức Thịnh, 1991). Việc *thành lập các bộ sưu tập các hiện tượng văn hóa vật chất* kết hợp với công tác bảo tàng cũng được các nhà nghiên cứu ứng dụng...

5. Nghiên cứu văn hóa vùng, một lĩnh vực trọng yếu của không gian văn hóa

Trong nghiên cứu không gian văn hóa Việt Nam, chúng tôi chọn vấn đề *văn hóa vùng* như là bước đột phá bởi hai lẽ, 1) Cả về phương diện lý thuyết và thực tiễn, vấn đề này được giới học giả quốc tế và trong nước quan tâm và 2) Trong tính đa dạng của văn hóa Việt Nam thì sự đa dạng về văn hóa tộc người và văn hóa vùng tiêu biểu hơn cả. Thông qua nghiên cứu văn hóa vùng, chúng ta càng thấy được các sắc thái văn hóa đa dạng của các vùng, các tộc người; thấy được quy luật hình thành và biến đổi của văn hóa trong các môi trường không gian địa lý nhất định, thấy được con đường, các phương thức giao lưu ảnh hưởng văn hóa qua lại giữa các vùng trong nước, giữa nước ta với văn hóa khu vực Đông Nam Á và thế giới, đặc biệt là với hai nền văn minh lớn Trung Hoa và Ấn Độ. Nắm được các đặc trưng văn hóa vùng và phân vùng văn hóa hợp lý sẽ giúp người nghiên cứu

định hướng được quá trình nghiên cứu văn hóa của mình, vạch ra được một chương trình nghiên cứu hợp lý và có hiệu quả. Đối với đời sống thực tiễn, việc nghiên cứu này sẽ góp phần vào việc nhận thức, kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa địa phương trong sự phát triển xã hội hiện nay.

Nghiên cứu văn hóa vùng và phân vùng văn hóa là đề tài lớn, đòi hỏi phải thực hiện lâu dài. Bởi vậy, trong cuốn sách này, chúng tôi tự hạn chế trong một số mục tiêu tối thiểu:

Hệ thống lại quá trình và các khuynh hướng nghiên cứu chính về vùng văn hóa trên thế giới và ở nước ta.

Lần đầu tiên đưa ra phương án phân vùng văn hóa ở Việt Nam, coi đó như một giả thuyết định hướng cho quá trình nghiên cứu.

Bước đầu đi sâu nghiên cứu một số vùng văn hóa tiêu biểu cho gương mặt văn hóa Việt Nam.

Ngoài dẫn luận, kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung cuốn sách chia thành ba phần chính.

Phần thứ nhất, nêu lên những nét lớn của khuynh hướng nghiên cứu không gian văn hóa, trong đó văn hóa vùng là trung tâm. *Chương một* tập trung trình bày các trường phái và lý thuyết lớn trên thế giới nghiên cứu vùng văn hóa. *Chương hai* trình bày việc nghiên cứu này ở Việt Nam, đi từ các quan niệm dân gian tới các ý niệm của các trí thức dân tộc về sắc thái văn hóa địa phương và cuối cùng là việc nghiên cứu của các nhà khoa học về văn hóa vùng.

Phần thứ hai, sau khi xác định quan niệm vùng văn hóa và các tiêu chí để phân vùng văn hóa, chúng tôi đưa ra *phác thảo về phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, coi đây như là giả thuyết công tác lâu dài. Đó là việc phân chia Việt Nam thành 7 vùng văn hóa lớn, trong đó bao chứa nhiều tiểu vùng văn hóa ở cấp độ nhỏ hơn.

Phần này cũng dành một số chương đáng kể cho việc trình bày một số vùng văn hóa tiêu biểu ở nước ta, như: *Đồng bằng và trung du Bắc Bộ, tiểu vùng văn hóa Xứ Lạng, vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Thanh Nghệ, tiểu vùng văn hóa Xứ Thanh, Xứ Nghệ, Xứ Huế, Xứ Quảng, vùng cực nam Trung Bộ, vùng văn hóa Tây Nguyên - Trường Sơn và vùng văn hóa Nam Bộ*. Trong các vùng văn hóa kể trên, chúng thuộc các cấp độ khác nhau, như vùng văn hóa Đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Tây Bắc và miền núi Thanh Nghệ, Nam Bộ và Tây Nguyên - Trường Sơn là các vùng văn hóa ở cấp độ lớn (trong 7 vùng lớn), văn hóa Xứ Lạng, Xứ Thanh, Xứ Nghệ, Xứ Huế, Xứ Quảng, văn hóa cực nam Trung Bộ là các tiểu vùng văn hóa, chúng là bộ phận của các vùng văn hóa lớn hơn. Thí dụ, các tiểu vùng Xứ Thanh, Xứ Nghệ, Xứ Huế thuộc vùng văn hóa Bắc Trung Bộ, còn tiểu vùng Xứ Lạng thuộc vùng văn hóa Việt Bắc và Đông Bắc...

Phần thứ ba, sau khi bàn tới quan niệm “*vùng thể loại văn hóa*” (chương 13), chúng tôi muốn thông qua một số hiện tượng văn hóa riêng lẻ (như nhà cửa, trang phục, ăn uống, thuyền bè, sử thi,...) mà ở đó chứa đựng những yếu tố khác biệt về vùng, coi đó như là sự bổ sung, cụ thể hóa tính vùng, tính địa phương trong văn hóa Việt Nam.

Như vậy, toàn bộ cuốn sách, từ các vấn đề lý thuyết đến việc phác thảo phương án phân vùng, nghiên cứu một số vùng văn hóa, một số hiện tượng văn hóa mang tính vùng... đều còn dừng lại ở bước đầu khai phá và thể nghiệm. Cánh cửa của việc nghiên cứu vấn đề lý thú, hấp dẫn và hữu ích này vẫn còn để ngỏ để các nhà nghiên cứu tiếp tục khám phá.

So với lần xuất bản đầu tiên, cuốn sách tái bản lần này có nhiều thay đổi, ngoài việc bổ sung một số vấn đề lý thuyết, nhất là lý thuyết về không gian văn hóa, chúng tôi viết thêm các chương mới về các vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Thanh Nghệ, tiểu vùng văn hóa Xứ Thanh, Xứ Nghệ, Xứ Quảng, Cực nam Trung Bộ (Ninh-Bình-Thuận).

Ngoài ra, như đã nói ở phần trên, chúng tôi còn bổ sung vào sách một số bài nghiên cứu về nhiều hiện tượng văn hóa đơn lẻ mang tính vùng tương đối rõ rệt, coi đó như là các minh chứng làm rõ hơn các chương viết về các vùng văn hóa ở Việt Nam.

Cuốn sách xuất bản lần đầu cũng như tái bản lần này, chúng tôi nhận được sự hợp tác và cổ vũ của nhiều nhà nghiên cứu: Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Xuân Kính, Ngô Văn Doanh, Phan Yến Tuyết, Tăng Kim Ngân, Lê Sỹ Giáo,... Để tái bản sách lần này, chúng tôi cũng nhận được sự hỗ trợ của Quỹ Ford tại Việt Nam và đặc biệt là sự khích lệ của TS. Maichel DiGrigoria. Tôi xin chân thành cảm ơn các vị đồng nghiệp và bạn bè.

Những năm qua, cuốn sách được dùng như là giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học về không gian văn hóa Việt Nam.

Chắc chắn cuốn sách còn có những sai sót, xin bạn đọc chỉ bảo và lượng thứ.